



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8564 /KH-UBND

Điện Biên, ngày 28 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW, ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới trên địa bàn tỉnh Điện Biên và Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 26/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới; Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 26/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; UBND tỉnh Điện Biên ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Quyết định số 1538/QĐ-TTg và Kế hoạch số 81-KH/TU; cụ thể hóa phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; xác định phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng lao động, phát triển thị trường lao động và tạo việc làm bền vững là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, gắn với thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu và trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương trong phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng việc làm, kết nối cung - cầu lao động và tạo việc làm bền vững; gắn phát triển nguồn nhân lực với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế và nhu cầu sử dụng lao động của tỉnh.

Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, người lao động, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở đào tạo; từng bước chuyển từ đào tạo theo khả năng cung ứng sang đào tạo gắn với nhu cầu của thị

trường lao động và doanh nghiệp; chú trọng đào tạo, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng số, ngoại ngữ và các kỹ năng cần thiết cho người lao động.

2. Yêu cầu

Bám sát các nhiệm vụ, giải pháp tại Thông báo số 123-TB/VPTW, Quyết định số 1538/QĐ-TTg và Kế hoạch số 81-KH/TU; cụ thể hóa thành các nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tế của từng sở, ban, ngành, địa phương; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền.

Việc tổ chức thực hiện phải bảo đảm tính thiết thực, khả thi, tránh chồng chéo, hình thức; gắn với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp để phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề, hỗ trợ sinh kế, kết nối việc làm; ưu tiên các nhóm lao động ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hộ nghèo, hộ cận nghèo, lao động thuộc nhóm yếu thế và người lao động có nhu cầu chuyển đổi nghề.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường quán triệt, tuyên truyền, tạo chuyển biến về nhận thức trong phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm bền vững

Tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện các nội dung của Thông báo số 123-TB/VPTW, Quyết định số 1538/QĐ-TTg, Kế hoạch số 81-KH/TU và Kế hoạch này đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, người lao động và Nhân dân; đưa nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng lao động và tạo việc làm bền vững vào chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, học nghề, việc làm và thị trường lao động; nâng cao nhận thức của người lao động về kỹ năng nghề, kỹ năng số, ngoại ngữ, ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp và khả năng thích ứng với những thay đổi của thị trường lao động.

Khuyến khích tinh thần chủ động học nghề, nâng cao trình độ, chuyển đổi nghề nghiệp, khởi nghiệp, tự tạo việc làm và tham gia thị trường lao động chính thức.

2. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới

Rà soát, đánh giá thực trạng nguồn nhân lực theo ngành, lĩnh vực, địa bàn và nhóm lao động; xác định nhu cầu nhân lực trước mắt và lâu dài, nhất là đối với các ngành, lĩnh vực có tiềm năng phát triển và nhu cầu sử dụng lao động cao trên địa bàn tỉnh.

Gắn công tác đào tạo, giáo dục nghề nghiệp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như nông nghiệp hàng hóa, chế biến nông - lâm sản, du lịch, thương mại, dịch vụ, kinh tế cửa khẩu, logistics, năng lượng, xây dựng và các lĩnh vực khác có nhu cầu sử dụng lao động.

Đẩy mạnh tư vấn, hướng nghiệp; nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, thiết thực; tăng cường đào tạo thực hành, đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng lao động sau đào tạo.

Chú trọng đào tạo, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng số, ngoại ngữ, kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp và tác phong công nghiệp cho người lao động; ưu tiên thanh niên, lao động nông thôn, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và người lao động có nhu cầu chuyển đổi nghề.

Phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch, nhất là nhân lực tại các điểm du lịch cộng đồng; chú trọng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, phục vụ khách du lịch, quản trị điểm đến và ứng dụng công nghệ số trong hoạt động du lịch.

3. Phát triển thị trường lao động, nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu và chất lượng việc làm

Hoàn thiện, nâng cao chất lượng thông tin thị trường lao động; thường xuyên thu thập, cập nhật, phân tích và dự báo nhu cầu lao động theo ngành, nghề, địa bàn và nhóm đối tượng; chủ động cung cấp thông tin về việc làm, nhu cầu tuyển dụng, điều kiện làm việc và yêu cầu về kỹ năng cho người lao động.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Việc làm - Người có công; đa dạng hóa hình thức tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức phiên giao dịch việc làm trực tiếp, lưu động, trực tuyến và tại cơ sở; tăng cường kết nối người lao động với doanh nghiệp trong tỉnh, ngoài tỉnh và thị trường lao động ngoài nước.

Chú trọng hỗ trợ người lao động mất việc làm, thiếu việc làm, lao động chuyển đổi nghề, lao động bị tác động bởi chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số tiếp cận thông tin thị trường lao động, tư vấn nghề nghiệp, đào tạo lại và tìm kiếm việc làm phù hợp.

Từng bước xây dựng, cập nhật và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về lao động, việc làm; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4. Tạo việc làm bền vững ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với khơi dậy nội lực, giảm nghèo bền vững và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phát triển nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp sinh thái, sản xuất theo chuỗi giá trị, kinh tế hợp tác, hợp tác xã; phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm

OCOP, vùng nguyên liệu, chế biến nông - lâm sản, làng nghề, thương mại, dịch vụ và các ngành nghề phù hợp với lợi thế từng địa phương.

Hỗ trợ người lao động nông thôn nâng cao kỹ năng sản xuất, kỹ năng quản trị, tiếp cận khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, tiêu chuẩn chất lượng và thị trường; từng bước chuyển dịch lao động từ khu vực có năng suất lao động thấp sang các ngành, nghề có năng suất và thu nhập cao hơn.

Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các mô hình sản xuất, kinh doanh phù hợp; tạo điều kiện tiếp cận tín dụng, khoa học - công nghệ, thị trường; khuyến khích khởi nghiệp, tự tạo việc làm và phát triển sinh kế bền vững.

Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và địa bàn khó khăn, tập trung phát triển sinh kế phù hợp với điều kiện thực tế, gắn với kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới, du lịch cộng đồng, sản phẩm đặc sản, dược liệu, bảo vệ và phát triển rừng và các ngành nghề có lợi thế.

Gắn tạo việc làm, nâng cao thu nhập với giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường, ổn định dân cư và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

5. Gắn tạo việc làm với phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư và các ngành, lĩnh vực có khả năng tạo nhiều việc làm

Trong quá trình thu hút, lựa chọn và triển khai các dự án đầu tư, quan tâm đến nhu cầu sử dụng lao động, khả năng sử dụng lao động tại chỗ, đào tạo và nâng cao kỹ năng cho người lao động, điều kiện làm việc và khả năng tạo việc làm ổn định, bền vững.

Chủ động nắm bắt nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, dự án, công trình và các ngành, lĩnh vực có nhu cầu sử dụng lao động cao; phối hợp với cơ sở đào tạo để chuẩn bị nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu tuyển dụng.

Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, đào tạo lại, tiếp nhận thực tập, tuyển dụng lao động sau đào tạo và đào tạo tại nơi làm việc.

6. Nâng cao hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Đẩy mạnh tư vấn, định hướng nghề nghiệp và cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch về thị trường lao động ngoài nước, doanh nghiệp dịch vụ, điều kiện tuyển dụng, hợp đồng, chi phí, quyền và nghĩa vụ của người lao động; nâng cao nhận thức, hạn chế rủi ro trong quá trình tham gia.

Tăng cường đào tạo nghề, ngoại ngữ, kỹ năng nghề, kiến thức pháp luật và kỹ năng cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài; chú trọng các thị trường và ngành nghề phù hợp với trình độ, điều kiện của người lao động tỉnh.

Hỗ trợ người lao động sau khi hoàn thành hợp đồng về nước sử dụng hiệu quả vốn, kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm đã tích lũy để phát triển sản xuất, kinh doanh, khởi nghiệp hoặc tham gia thị trường lao động trong tỉnh.

Thực hiện các mục tiêu về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Kế hoạch số 81-KH/TU và các văn bản có liên quan.

7. Gắn tạo việc làm với mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo đảm an sinh xã hội

Gắn phát triển việc làm bền vững với mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; chú trọng người lao động khu vực phi chính thức, lao động tự do, lao động nông thôn, hộ kinh doanh và các nhóm lao động chưa tham gia bảo hiểm xã hội.

Tăng cường tuyên truyền, tư vấn để người lao động và người sử dụng lao động hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích của việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; khuyến khích phát triển việc làm chính thức, thực hiện đầy đủ các quy định về hợp đồng lao động, tiền lương và các chế độ bảo hiểm.

Hỗ trợ người lao động mất việc làm tiếp cận chính sách bảo hiểm thất nghiệp, tư vấn, giới thiệu việc làm và đào tạo, đào tạo lại phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.

Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo Kế hoạch số 81-KH/TU; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

2. Lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác có liên quan theo quy định.

3. Huy động nguồn lực hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật

4. Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, thẩm định, bố trí kinh phí theo quy định; bảo đảm sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp, chồng chéo.

IV. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

1. Các cơ quan chủ trì nhiệm vụ tại Phụ lục có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi được giao; định kỳ hằng năm gửi báo cáo về Sở Nội vụ trước ngày 05 tháng 12 để tổng hợp. Báo cáo phải đánh giá rõ kết quả đạt được, chỉ tiêu thực hiện, nhiệm vụ chưa hoàn thành, nguyên nhân, khó khăn, vướng mắc, trách nhiệm của cơ quan liên quan và đề xuất giải pháp, nhiệm vụ năm tiếp theo.

2. Sở Nội vụ chủ trì tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, tham mưu UBND tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền trước ngày 15 tháng 12 hằng năm

theo yêu cầu của Quyết định số 1538/QĐ-TTg hoặc báo cáo đột xuất khi UBND tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch này và Phụ lục kèm theo.

2. Trong quá trình triển khai, các cơ quan, đơn vị chủ động rà soát, lồng ghép nhiệm vụ với các chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền ban hành về phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo nghề, giảm nghèo, phát triển nông thôn, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chuyển đổi số và các chương trình có liên quan, bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo.

3. Sở Nội vụ là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; chủ trì tổng hợp báo cáo UBND tỉnh; kịp thời tham mưu điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp khi có thay đổi về cơ chế, chính sách hoặc yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 26/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đoạt